

Tuần 35 Ôn tập cuối học kì 2

I KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (4 điểm)

Thư Trung thu – Trang 118

SGK Tiếng Việt 2 Tập 2

(Cánh diều)



Bác Hồ khuyên

thiếu nhi điều gì?

2. Đọc hiểu (6 điểm)

Ong Thợ

Trời hé sáng, tổ ong mật nằm trong gốc cây bỗng hóa rộn rịp. Ong thường thức dậy sớm, suốt ngày làm việc không chút nghỉ ngơi. Ong Thợ vừa thức đã vội vàng bước ra khỏi tổ, cất cánh tung bay. Ở các vườn chung quanh, hoa đã biến thành quả. Ong Thợ phải bay xa tìm những bông hoa vừa nở. Con đường trước mắt Ong Thợ mở rộng thênh thang. Ông mặt trời nhô lên cười. Hôm nào Ong Thợ cũng thấy ông mặt trời cười. Cái cười của ông hôm nay càng rạng rỡ. Ong Thợ càng lao thẳng về phía trước.



Võ Quảng

Câu 1. Ong Thợ dậy sớm để làm gì? (0,5 điểm)

- A. Để làm việc chăm chỉ, không chút nghỉ ngơi.
- B. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- C. Để đi kiếm mồi.
- D. Để tập thể dục.

Câu 2. Vì sao Ong Thợ phải đi xa? (0,5 điểm)

- A. Vì những vườn hoa ở xa có nhiều loài hoa hơn.
- B. Vì Ong Thợ có thói quen tìm hoa ở những nơi xa.
- C. Vì đi xa để tìm những bông hoa vừa nở.



D. Vì đi xa để tìm được những bông hoa thơm hơn.

Câu 3. Câu chuyện trên giúp ta học được đức tính nào của loài ong? (0,5 điểm)

- A.** Câu chuyện trên giúp ta học được đức tính thật thà, lễ phép.
- B.** Câu chuyện trên giúp ta học được đức tính cần cù, chịu khó.
- C.** Câu chuyện trên giúp ta học được đức tính nhanh nhẹn, hoạt bát.
- D.** Câu chuyện trên giúp ta học được đức tính hòa đồng với mọi người.

Câu 4. Em hãy viết 1 câu để khen ngợi đức tính chăm chỉ của Ông Thợ: (0,5 điểm)

[illegible]

Câu 5. Em hãy sắp xếp các từ sau để được câu *Ai thế nào?* (1 điểm)

[illegible]

Câu 6. Gạch chân dưới các từ không cùng nhóm trong các từ dưới đây: (1 điểm)

- a) Các từ chỉ hoạt động của loài ong: làm tổ, làm mật, thênh thang, tìm hoa.
b) Các từ chỉ tên các loài ong: ong vắn, ong mật, ong bắp cày, ong đất, ong đầu.

Câu 7. Tìm và ghi lại 3 từ chỉ đặc điểm của những chú ong và vườn hoa trong bức tranh dưới đây và đặt câu với 1 từ em vừa tìm được. (1 điểm)

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin blue lines. There are also thicker blue lines forming a larger grid pattern, dividing the page into sections. The paper has a light cream or off-white background.

Câu 8. Điền từ có vần “ao” hay “au” thích hợp vào chỗ trống: (1 điểm)

- a) Món ăn cho trẻ em, người già hoặc người ốm:

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of horizontal and vertical lines forming small squares. There are approximately 20 columns and 15 rows visible. A thicker vertical line runs down the left side, creating a margin. A thicker horizontal line runs across the top, below the header area.

- b) Loại quả các cụ già hay ăn cùng với lá trầu:**



1. Chính tả (Nghe - Viết): (4 điểm)

Chuyện của mùa thu

Dù ban ngày trời nắng nóng, oi bức tới mức nào thì khi bóng đêm vừa trùm phủ không gian, là hơi nóng của ban ngày sẽ nhanh chóng bị quét sạch, thay vào đó là thứ không khí mát mẻ, trong lành và thứ gió đêm mùa thu bắt đầu dìu dặt, mơn man.



Iris Trương

[illegible]

2. Em hãy viết 4 - 5 câu về một mùa trong năm mà em yêu thích. (6 điểm)

A large grid of graph paper with a blue border. The grid consists of 20 columns and 15 rows of squares. In the bottom right corner, there is a logo for 'LIVEWORKSHEETS' with the word 'LIVE' in a colorful, stylized font and 'WORKSHEETS' in a blue, sans-serif font.